

Số: 158/2018/QĐST-HNGĐ

Hải Châu, ngày 25 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55,58 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 129/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1987; địa chỉ: 260/29 Đ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng với ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: 39 L, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Những người yêu cầu:*

+ Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1987; địa chỉ: 260/29 Đ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

+ Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1971; địa chỉ: 39 L, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích Tr - sinh ngày 18/6/2012 và Nguyễn Văn Trí Th – sinh ngày 02/7/2015.

Bà L và ông T thoả thuận về việc nuôi con chung như sau: Ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên. Bà Nguyễn Thị Kim L cấp

dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 6/2018 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như đã thỏa thuận thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 3251 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà L và ông T đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hải Châu;
- CCTHADS Q. Hải Châu;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm Phán

(đã nộp)

Phạm Thị Hồng Loan